TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THANH XUÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **202**/2024/HS-ST
Ngày: 11/9/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH XUÂN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông **Nguyễn Hùng Lâm**
Các Hội thẩm nhân dân: *1/* Bà **Nguyễn Thị Hồng**
2/ Bà **Nguyễn Thị Ngọc Loan**

- Thư ký phiên toà: Bà **Nguyễn Hà My** – Thư ký Toà án nhân dân quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội tham gia phiên toà*: Ông Nguyễn Hữu Tùng Lâm* - Kiểm sát viên.

Ngày 10/9/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 165/TLST-HS ngày 22/07/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 180/2024/QĐXXST-HS ngày 26/07/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 96/2024/QĐST-HPT ngày 14/08/2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Thị Phương A** - Sinh ngày: 199x tại Hà Nội; Giới tính: Nữ; Tên gọi khác: không; Nơi đăng ký thường trú: ngõ 376/24 phố K, phường H, quận T, thành phố H; Chỗ ở: Thôn P, xã P, huyện G, thành phố H; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Kinh doanh; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông: Nguyễn Văn N (sinh năm: 1959); Con bà: Nguyễn Thị M (sinh năm: 1966); Bị cáo là con cả trong gia đình 3 chị em; Chồng: Nguyễn Thành T; Có 01 con sinh năm 2013; Tiền án, tiền sự: Không.

Bắt bị cáo để tạm giam ngày 4/5/2024. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số II- CATP Hà Nội. *(Có mặt tại phiên tòa)*

- Bị hại: Bà **Trần Thị C**, sinh năm 1973; Địa chỉ: chưng cư E, phường X, quận, thành phố H. *(Vắng mặt tại phiên tòa)*

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*:* Bà **Lê Thị N**, sinh năm 1982; Địa chỉ: chưng cư O, phường N, quận H, thành phố H. *(Vắng mặt tại phiên tòa)*

- Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư **Phạm Xuân Dương** – Luật sư thuộc Công ty luật TNHH Đại Việt – Đoàn luật sư thành phố Hà Nội. (Có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị Phương A là giám đốc giám đốc công ty TNHH T có địa chỉ tại: Số ngõ 376/24 phố K, phường H, quận T, thành phố H. Công ty trên chuyên kinh doanh

về du lịch và vé máy bay nhưng không phải là đại lý chính thức của hãng hàng không. Khi khách đặt mua vé máy bay, A sẽ đặt trực tiếp qua ứng dụng trên điện thoại có tên là "VietNamAirlines", "Vietjet Air", "BambooAirways". Sau khi nhập các thông tin của khách hàng, A phải thanh toán trong 24 tiếng từ khi đặt lệnh mua vé thì hãng hàng không sẽ giữ vé trên cho khách hàng hoặc cọc trước cho hãng hàng không số tiền là 360.000 đồng thì hãng hàng không sẽ lưu giữ cho khách hàng thêm 04 ngày trước khi phải thanh toán hết số tiền còn lại (việc thanh toán trên bằng hình thức chuyên khoản từ tài khoản của A sang tài khoản của hãng hàng không). A mua vé máy bay qua các trang Web của các hãng hàng không sau đó bán lại cho khách hàng. Mỗi vé máy bay bán ra A hưởng lợi từ 50.000 đồng đến 100.000 đồng. A không phải là đại lý phân phối của các voucher của các khách sạn, khu nghỉ dưỡng mà A lên mạng tìm voucher rồi bán lại cho khách hàng, mỗi voucher hưởng lợi 100.000 đồng.

Từ năm 2019, A quen biết bà Trần Thị C (sinh năm: 1973, trú tại: thành phố H) và đã nhiều lần đặt mua vé máy bay và voucher du lịch cho bà C. Từ tháng 6/2022 đến tháng 8/2023, A đã nhận của bà C tổng số tiền là 71.815.000 đồng để đặt mua vé máy bay và Voucher du lịch. Sau khi nhận tiền, A đã đặt chỗ nhưng do khó khăn về tài chính nên A nảy sinh ý định chiếm đoạt số tiền này và không thực hiện thanh toàn tiền dẫn đến bà C không thể thực hiện được việc đi du lịch, cụ thể:

Tháng 6/2022, bà C có mua combo du lịch nghỉ dưỡng tại FLC Hạ Long tổng số là 4 voucher x 5.800.000đồng/voucher = 23.200.000 đồng. Bà C đã chuyển khoản số tiền trên từ tài khoản số 0971000017575 của ngân hàng Vietcombank sang tài khoản số 220919906666 của ngân hàng MBbank mang tên Nguyen Thi Phuong A. Sau đó, gia đình bà C bị mắc dịch Covid 19 nên không thể đi được nên đã nhờ A bán lại cho người khác. Tháng 7/2023, A nói đã bán được 04 voucher trên và hẹn tháng 8/2023 hoàn trả số tiền này cho bà C. Sau đó, A và bà C thống nhất việc A sẽ sử dụng số tiền bán vé trên mua các gói voucher khác giúp bà C. Tuy nhiên, A không mua gói voucher khác mà đưa ra các thông tin gian dối để bà C không đòi tiền A.

Ngày 26/6/2023, bà C đặt mua của A vé đi Thái Lan 03 người x 2.350.000đồng/người = 7.050.000 đồng. Bà C đã chuyển khoản số tiền trên cho A nhưng sau đó muốn đổi vé đi Sài Gòn. A đồng ý nên ngày 16/7/2023 A đặt mua cho bà C 10 vé bay khứ hồi Hà Nội - Hồ Chí Minh với giá vé 1.950.000đồng/người. Tổng tiền là : 19.500.000 đồng + 195.000 đồng (vé trẻ em) = 19.695.000 đồng. Bà C đã thanh toán đủ số tiền trên cho A nhưng A chỉ đặt chỗ không thanh toán tiền cho hãng hàng không. Số tiền 19.695.000 đồng trên A đã sử dụng chi tiêu cá nhân hết.

Ngày 04/8/2023, bà C giúp chị Lê Thị N (sinh năm:1982, trú tại: Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội) đặt mua của A combo gồm vé máy bay khứ hồi chặng Hà Nội – Phú Quốc số lượng 04 vé và phòng khách sạn Vinpearl Phú Quốc số tiền là: 14.460.000 đồng. Ngày 04/8/2023, bà C đã ứng trước và chuyển khoản cho A số tiền trên. Đến ngày 17/8/2023, chị N không biết nên đã chuyển khoản tiền combo trên cho A một lần nữa là: 14.460.000 đồng. Tổng số tiền A nhận của bà N và bà C là 28.920.000 đồng. Bà C và A đã thống nhất việc bà C sẽ ứng trả lại số tiền trên cho chị N, số tiền 28.920.000 đồng là tiền thực hiện thoả thuận mua 04 combo Phú Quốc,

A phải có trách nhiệm trả lại tiền ứng cho bà C. Sau đó, A chỉ đặt chỗ mà chưa thanh toàn tiền cho hãng hàng không, khách sạn. A không trả số tiền 28.920.000 đồng cho bà C mà chi tiêu cá nhân hết.

Tổng số tiền A chiếm đoạt của bà C là 71.815.000 đồng. Tất cả các lần chuyển tiền cho A, bà C thực hiện ở trên địa bàn quận Thanh Xuân.

Tại bản cáo trạng số 159/CT-VKS ngày 22/07/2024 của Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị Phương A về tội: **Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản** theo điểm c khoản 2 Điều 175 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Nguyễn Thị Phương A đã đủ yếu tố cấu thành tội: Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản theo điểm c khoản 2 Điều 175 của Bộ luật Hình sự. Thái độ của bị cáo khai báo là thành khẩn, ăn năn hối cải, bị cáo đã tự nguyện bồi thường tổn bộ tiền cho bị hại và bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, vì vậy bị cáo được hưởng 3 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát giữ nguyên nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Về hình phạt: Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 175; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Phương A mức án từ 26 tháng đến 32 Tháng tù, nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách từ 52 tháng đến 60 tháng kể từ ngày tuyên án.

Về hình phạt bổ sung: Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về phần dân sự: Bị hại đã nhận số tiền 71.815.000 đồng bồi thường của chị A và không yêu cầu gì về phần dân sự nên không đề nghị xem xét.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Luật sư bào chữa cho bị cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và cho bị cáo được hưởng án treo.

- Bị cáo Nguyễn Thị Phương A đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã truy tố và khẳng định không bị oan. Bị cáo A đã bồi thường toàn bộ số tiền mình chiếm đoạt được cho bị hại. Bị cáo xin HĐXX xem xét cho bị cáo được hưởng án treo.

Nói lời sau cùng, các bị cáo nhận thức hành vi của mình là sai, vi phạm pháp luật, VKS truy tố bị cáo là đúng, xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an quận Thanh Xuân, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Xuân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã khai báo thành khẩn và không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Về tội danh và khung hình phạt:

Xét lời khai nhận tội của bị cáo Nguyễn Thị Phương A tại phiên toà phù hợp với lời khai của tại cơ quan điều tra, lời khai người làm chứng, bản kết luận giám định, các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án cũng như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Xuân đã truy tố, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Từ tháng 6/2022 đến tháng 8/2023, tại khu vực quận Thanh Xuân, Hà Nội, Nguyễn Thị Phương A có hành vi nhận tổng số tiền 71.815.000 đồng của bà Trần Thị C để đặt mua vé máy bay và voucher du lịch nghỉ dưỡng. Sau khi nhận được tiền, A đã thao tác đặt vé nhưng do cần chi tiêu cá nhân, A đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của bà C bằng cách: đặt vé, chụp hình gửi bà C để bà C tin tưởng nhưng sau đó A không thanh toán tiền vé, không trả lại tiền cho bà C và chiếm đoạt số tiền trên.

Hành vi của bị cáo Nguyễn Thị Phương A có đủ dấu hiệu cấu thành tội: **Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản**, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 175 Bộ luật Hình sự.

Viện kiểm sát truy tố bị cáo theo tội danh chỉ dẫn trên là có căn cứ và đúng theo quy định của pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, Bị cáo A đã tự nguyện bồi thường khắc phục thiệt hại và bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo A nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[4] Về hình phạt chính và biện pháp chấp hành hình phạt:

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được Bộ luật hình sự bảo vệ. Bị cáo là người trưởng thành, có đủ khả năng nhận thức được hành vi của mình là trái pháp luật nhưng vì lợi ích cá nhân vẫn cố ý thực hiện. Do vậy cần áp dụng một mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội với bị cáo để răn đe, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung.

Khi lượng hình Hội đồng xét xử nhận thấy bị cáo Nguyễn Thị Phương A được hưởng 03 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật hính sự. Ngoài lần phạm tội này bị cáo luôn chấp hành tốt mọi quy định của pháp luật, ngoài ra bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo ngoài xã hội và xét thấy không cần thiết phải bắt chấp hành hình phạt tù đối với các bị cáo, việc cho các

bị cáo được hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an N, trật tự, an toàn xã hội.

Đại diện Viện Kiểm Sát đề nghị cho bị cáo được hưởng án treo là phù hợp với nhận định của HĐXX.

[5] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có thu nhập ổn định vì vậy không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo. Quan điểm của Viện kiểm sát đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[6] Về phần dân sự: Bị hại đã nhận số tiền 71.815.000 đồng bồi thường của bị cáo A và không yêu cầu gì thêm về phần dân sự nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 175, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

- Căn cứ khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Thị Phương A** phạm tội: **"Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"**

2. Về hình phạt:

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Thị Phương A 26 (Hai mươi sáu)** tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách **52 (Năm mươi hai)** tháng kể từ ngày tuyên án.

Trả tự do cho bị cáo Nguyễn Thị Phương A tại phiên tòa nếu không bị giam giữ trong vụ án nào khác.

Giao bị cáo Nguyễn Thị Phương A cho UBND xã P, huyện G, Tp H để giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo Cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 (Hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

4. Về phần dân sự: Bị hại đã nhận số tiền 71.815.000 đồng bồi thường của bị cáo A và không yêu cầu gì thêm về phần dân sự nên HĐXX không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Bị cáo phải chịu **200.000 đồng** (Hai trăm nghìn đồng) án phí Hình sự sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm.

- Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa tuyên án.

- Bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được tống đạt bản án hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án đối với phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hà Nội;
- Công an quận Thanh Xuân;
- VKSND quận Thanh Xuân;
- THADS quận Thanh Xuân;
- Thi hành án hình sự;
- Sở Tư pháp;
- Bị cáo; Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hùng Lâm